TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT MỸ HÀ NỘI

BIỂU 01: CÔNG KHAI THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025 (NĂM 2025)

STT	Khoản mục thu / chi	2023-2024 (01/10/23-30/09/24)	2024-2025 (1/10/24-30/9/25)	2025-2026 (01/10/25-30/09/26)	Tỷ trọng (%)
A	**TỔNG CÁC KHOẢN THU**				**100.0%**
I	**Phân theo nguồn kinh phí**	**53,597**	**77,506**	**50,747**	
1	1. Thu từ người học (Học phí, lệ phí và các khoản thu khác)	49,914	69,934	48,716	
2	2. Hỗ trợ của Nhà đầu tư / Tập đoàn	3,654	6,245	1,923	
3	3. Kinh phí tài trợ và hợp đồng dịch vụ bên ngoài	0	-	-	
4	4. Ngân sách Nhà nước cấp bù học phí chính sách	0	-	-	
5	5. Nguồn thu hợp pháp khác	29	1,327	109	
II	**Phân theo loại hoạt động**		**-**	**-**	
1	1. Hoạt động giáo dục và đào tạo	0			
2	2. Hoạt động khoa học công nghệ & dịch vụ thực hành	0			
3	3. Hoạt động khác	0			
B	**TỔNG CÁC KHOẢN CHI**	**49,462**	**74,848**	**57,460**	**100.0%**
1	1. Chi tiền lương và thu nhập	23,499	24,972	24,285	
1.1	*Chi lương, thu nhập của giảng viên*	6,932	*5,471*	*4,349*	
1.2	*Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác*	16,567	*19,501*	*19,937*	
2	2. Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	25,838	*47,542*	*31,755*	
3	3. Chi hỗ trợ người học	0	*0*	*0*	
4	4. Chi đầu tư CSVC & thiết bị đào tạo (Capex)	0	*0*	*0*	
5	5. Chi khác	125	*2,334*	*1,419*	
C	**CHÊNH LỆCH THU TRỪ CHI**	**4,135**	**2,657**	**-6,712**	

Ghi chú / Diễn giải	Số 24-25 cũ	
	63,297	(14,209)
Hệ Cao đẳng CQ, Hệ 9+, GDTX	61,287	(8,647)
Kinh phí đầu tư phát triển		(6,245)
Hợp tác đào tạo doanh nghiệp		-
Cấp bù theo Nghị định quy định		-
Lãi tiền gửi, thanh lý...	2,010	683
Đào tạo chính quy và ngắn hạn		
Thực hành nghề nghiệp		
	70,662	(4,186)
Lương, phụ cấp, thù lao GV, CBQL, nhân viên	*27,900*	2,928
	11,447	5,976
	16,453	(3,048)
Thuê mặt bằng, điện nước, bảo dưỡng, CCDC...	30,166	(17,376)
Học bổng, trợ cấp, phong trào, khen thưởng SV	8,980	8,980
Đầu tư phòng thực hành, máy móc		-
Tuyển sinh, marketing, quản lý...	3,616	1,282
Tích lũy tái đầu tư phát triển trường		